yān zhì

腌制

verb · to pickle; to cure (food)

Example Sentence

Mā ma yòng yán yān zhì le yī xiē huáng guā
妈妈 用 盐 腌 制 了 一些 黄 瓜。

Mom pickled some cucumbers with salt.

Trace each character, then write the word on your own.

腌 腌 腌 腌 腌 腌 腌 腌 腌 腌 腌

腌 腌 腌 腌

制 制 制 制 制 制 制 制 制 制 制